

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95** /2025/DSST
Ngày: 19/6/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM- TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhắc
2. Bà Trần Thị Sầm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quyên

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 273/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 293/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trương Minh Sử N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp Phú Lộc T, xã An Đ, huyện M, tỉnh B

Bị đơn: Bà Đặng Thị Ngọc Đ, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp An H, xã An T, huyện M, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/5/2023 bà Đặng Thị Ngọc Đ có vay của ông số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn, ông trực tiếp đưa tiền cho bà Đ, lãi suất vay là 2,5%/tháng, thời hạn vay 09 tháng. Ngày 15/5/2023 bà Đ vay thêm ông số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, tổng số tiền bà Đ vay của ông là 90.000.000 đồng, bà Đ tự tay ghi tổng số nợ vào hợp đồng và ký tên. Ngày 14/12/2023 bà Đ vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, tổng nợ đến thời điểm này là 110.000.000 đồng. Ngày 10/5/2024 bà Đ vay thêm ông số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng, tổng nợ là 115.000.000 đồng, bà Đ tự tay viết giấy ghi nợ và có kèm hình căn cước công dân. Quá trình thực hiện hợp

đồng bà Đ trả cho ông được số tiền gốc là 42.400.000 đồng và 48.000.000 đồng tiền lãi. Đến nay bà Đ chưa trả cho ông số tiền gốc còn lại là 72.600.000 đồng, ông đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Đ không trả. Nay ông yêu cầu bà Đ trả số tiền 72.600.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Đặng Thị Ngọc Đ vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung tranh chấp thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Trương Minh Sử N yêu cầu bà Đặng Thị Ngọc Đ trả số tiền nợ còn lại là 72.600.000 đồng. Bà Đặng Thị Ngọc Đ đã nhiều lần vay tiền của ông N, tổng số tiền bà Đ vay của ông N là 115.000.000 đồng, quá trình thực hiện hợp đồng bà Đ có trả cho ông N số tiền 42.400.000 đồng. Chứng cứ ông N khởi kiện bà Đ là hợp đồng vay tiền ngày 05/5/2023, biên nhận ngày 14/12/2023 và ngày 10/5/2024. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bà Đ nhưng bà không đến, cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông N nên đây là tình tiết sự kiện ông N không phải chứng minh. Do đó có đủ căn cứ xác định bà Đ còn nợ ông N số tiền 72.600.000 đồng nên việc khởi kiện của ông N là có căn cứ.

[3] Theo đơn khởi kiện, ông N yêu cầu bà Đ trả lãi 1,66%/tháng từ ngày 28/11/2024 đến ngày xét xử. Tại phiên tòa ông N rút yêu cầu tính lãi, xét yêu cầu của ông là tự nguyện nên đình chỉ yêu cầu này của ông N. Đối với số tiền lãi bà Đ đã trả cho ông N là 48.000.000 đồng, nhận thấy số tiền lãi bà Đ trả cho ông N là cao hơn quy định pháp luật, tuy N bà Đ không có ý kiến gì đối với số tiền lãi này, do đó bà Đ có quyền khởi kiện ông N để xử lý số tiền lãi này theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Ngọc Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho ông Trương Minh Sử N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 40, 147, 217, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Minh Sử N.

Buộc bà Đặng Thị Ngọc Đ có trách nhiệm trả cho ông Trương Minh Sử N số tiền 72.600.000 đồng (Bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Trương Minh Sử N về việc yêu cầu bà Đặng Thị Ngọc Đ trả lãi liên quan đến số tiền 72.600.000 đồng (Bảy mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Đặng Thị Ngọc Đ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.630.000 đồng (Ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Trương Minh Sử N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.913.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008510 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ, VP (4b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở

